

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>854,005,504,052</b>	<b>697,634,589,303</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>86,181,035,016</b>	<b>20,826,093,565</b>
1. Tiền	111		86,181,035,016	20,826,093,565
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>320,000,000</b>	<b>410,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	320,000,000	410,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>397,935,779,363</b>	<b>321,161,211,685</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	319,835,065,838	272,623,463,049
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	77,291,299,912	47,634,843,470
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		809,413,613	902,905,166
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>337,936,191,880</b>	<b>333,749,986,365</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	359,038,398,218	356,381,498,350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(21,102,206,338)	(22,631,511,985)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31,632,497,793</b>	<b>21,487,297,688</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	4,914,044,343	2,163,721,865
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,305,772,570	11,025,852,764
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,718,916,667	418,400,734
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	9,693,764,213	7,879,322,325

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

0

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>518,628,326,268</b>	<b>517,535,006,285</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>502,009,162,693</b>	<b>499,579,135,406</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	449,820,045,906	451,189,204,196
<i>Nguyên giá</i>	222		542,817,738,934	528,932,609,536
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(92,997,693,028)	(77,743,405,340)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	35,200,656,730	35,252,431,368
<i>Nguyên giá</i>	228		35,807,481,301	35,741,138,001
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(606,824,571)	(488,706,633)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	16,988,460,057	13,137,499,842
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10,000,000</b>	<b>10,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16,609,163,575</b>	<b>17,945,870,879</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	11,105,539,782	10,406,155,236
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	5,348,143,793	7,384,235,643
3. Tài sản dài hạn khác	268		155,480,000	155,480,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,372,633,830,320</b>	<b>1,215,169,595,588</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

0

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>921,635,550,162</b>	<b>799,898,452,005</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>704,717,143,067</b>	<b>586,910,649,255</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	552,450,099,283	465,237,227,745
2. Phải trả người bán	312	V.15	133,172,288,456	96,807,901,631
3. Người mua trả tiền trước	313		2,036,214,562	396,376,240
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,108,576,241	2,047,313,894
5. Phải trả người lao động	315	V.17	12,668,799,174	18,120,965,622
6. Chi phí phải trả	316	V.18	1,129,187,412	2,499,760,832
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2,151,977,939	1,801,103,291
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>216,918,407,095</b>	<b>212,987,802,750</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	216,005,064,285	212,251,039,377
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	913,342,810	736,763,373
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>425,296,741,077</b>	<b>391,905,242,477</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>423,422,589,425</b>	<b>388,819,473,265</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	300,000,000,000	300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		136,774,604	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.22	24,489,582	459,674,037
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.22	-	136,774,604
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	123,261,325,239	88,223,024,624
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1,874,151,652</b>	<b>3,085,769,212</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.23	1,874,151,652	3,085,769,212
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>25,701,539,081</b>	<b>23,365,901,106</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,372,633,830,320</b>	<b>1,215,169,595,588</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

0

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

---

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		4,349,925.00	474,967.74
EUR		440.60	189,990.25
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 5 năm 2009

---

**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng

---

**Trương Thị Lệ Khanh**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I		LŨY KẾ	
			NĂM 2009	NĂM 2008	NĂM 2009	NĂM 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	692,911,701,868	538,956,299,923	692,911,701,868	538,956,299,923
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6,974,610,571	-	6,974,610,571	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	685,937,091,297	538,956,299,923	685,937,091,297	538,956,299,923
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	587,050,856,429	475,408,713,225	587,050,856,429	475,408,713,225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98,886,234,868	63,547,586,698	98,886,234,868	63,547,586,698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10,997,562,952	2,379,032,335	10,997,562,952	2,379,032,335
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29,148,616,372	5,318,329,035	29,148,616,372	5,318,329,035
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17,162,836,896	2,750,922,603	17,162,836,896	2,750,922,603
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	33,026,065,810	18,100,131,765	33,026,065,810	18,100,131,765
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5,864,030,975	9,893,827,749	5,864,030,975	9,893,827,749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41,845,084,663	32,614,330,484	41,845,084,663	32,614,330,484
11. Thu nhập khác	31		1,452,428,379	880,386,317	1,452,428,379	880,386,317
12. Chi phí khác	32		305,072,834	29,306	305,072,834	29,306
13. Lợi nhuận khác	40		1,147,355,545	880,357,011	1,147,355,545	880,357,011
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42,992,440,208	33,494,687,495	42,992,440,208	33,494,687,495
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4,795,358,036	4,697,191,566	4,795,358,036	4,697,191,566
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38,197,082,172	28,797,495,929	38,197,082,172	28,797,495,929
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		3,142,361,532	13,099,529	3,142,361,532	13,099,529
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		35,054,720,640	28,784,396,400	35,054,720,640	28,784,396,400
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1,168	926	1,168	926

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 05 năm 2009

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42,992,440,208
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		15,372,405,626
- Các khoản dự phòng	03		(1,529,305,647)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-
- Chi phí lãi vay	06		17,162,836,896
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73,998,377,083
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55,084,564,527)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,656,899,868)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		29,692,511,284
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3,449,707,024)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(17,162,836,896)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,899,420,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,622,365,050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18,815,095,002</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(49,017,057,124)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(49,017,057,124)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, 20	573,139,111,420
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, 20	(477,669,354,974)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>95,454,756,446</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>65,252,794,324</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>20,826,104,600</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		102,136,092
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>86,181,035,016</b>

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 5 năm 2009

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2009

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn quý I năm 2009 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản); Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; Sản xuất bao bì giấy, in các loại; Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Tổng số các công ty con** : 2

### 5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp	69,80%	69,80%
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	3371, Gostetter-rd, San Jose, California 95132, Hoa Kỳ	100,00%	100,00%

### 6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính quý I/2009

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo Đồng Việt Nam (VND), đồng tiền quốc gia mà Công ty mẹ đang hoạt động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

#### 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4
Tài sản cố định khác	4

### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.6.

### 8. Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

### **9. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **10. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, trái phiếu được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn như sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.
- Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập của nước Mỹ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty trong Tập đoàn có đồng tiền hạch toán khác với tiền Đồng Việt Nam được chuyển đổi như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá tại thời điểm ngày 31/03/2009.
- Doanh thu và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2009 : 16.594 VND/USD

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.254.979.359	2.196.056.752
Tiền gửi ngân hàng	82.926.055.657	18.630.036.813
<b>Cộng</b>	<b><u>86.181.035.016</u></b>	<b><u>20.826.093.565</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

Cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Đại Chí Phong vay.

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	175.237.785.572	162.601.399.704
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	59.533.088.694	53.988.982.512
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	85.064.191.572	56.033.080.833
<b>Cộng</b>	<b><u>319.835.065.838</u></b>	<b><u>272.623.463.049</u></b>

**4. Trả trước người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	68.419.171.527	46.530.712.431
Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	8.872.128.385	1.104.131.039
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>77.291.299.912</u></b>	<b><u>47.634.843.470</u></b>

**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	43.650.502.488	34.858.169.132
Công cụ, dụng cụ	2.188.012.532	2.334.691.761
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	90.300.142.547	75.358.085.162
Thành phẩm	217.794.438.286	243.757.977.999
Hàng hóa	5.105.302.365	72.574.296
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>359.038.398.218</u></b>	<b><u>356.381.498.350</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Số đầu năm	2.163.721.865
Tăng trong kỳ	933.894.811
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	1.816.427.667
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.914.044.343</b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9.170.276.413	7.355.128.425
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	523.487.800	524.193.900
<b>Cộng</b>	<b>9.693.764.213</b>	<b>7.879.322.325</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	185.195.244.635	332.625.041.460	9.218.511.470	1.893.811.971	528.932.609.536
Tăng trong năm	7.993.236.397	4.691.289.442	1.151.013.333	49.590.226	13.885.129.398
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>193.188.481.032</b>	<b>337.316.330.902</b>	<b>10.369.524.803</b>	<b>1.943.402.197</b>	<b>542.817.738.934</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	18.126.783.532	56.462.978.098	2.055.160.826	1.098.482.884	77.743.405.340
Khấu hao trong năm	3.659.985.088	11.161.933.433	380.363.295	52.005.872	15.254.287.688
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.786.768.620</b>	<b>67.624.911.531</b>	<b>2.435.524.121</b>	<b>1.150.488.756</b>	<b>92.997.693.028</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	167.068.461.103	276.162.063.362	7.163.350.644	795.329.087	451.189.204.196
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>171.401.712.412</b>	<b>269.691.419.371</b>	<b>7.934.000.682</b>	<b>792.913.441</b>	<b>449.820.045.906</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	35.209.548.201	531.589.800	35.741.138.001
Mua trong năm	66.343.300	-	66.343.300
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.275.891.501</b>	<b>531.589.800</b>	<b>35.807.481.301</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	230.787.505	257.919.128	488.706.633
Khấu hao trong năm	95.465.352	22.652.586	118.117.938
<b>Số cuối năm</b>	<b>326.252.857</b>	<b>280.571.714</b>	<b>606.824.571</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	34.978.760.696	273.670.672	35.252.431.368

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Số cuối năm	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	34.949.638.644	251.018.086	35.200.656.730

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
<i>Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải</i>	2.482.433.999	-	-	-	2.482.433.999
<i>Công trình nhà xưởng số 3</i>	1.601.506.377	9.587.397.703	3.048.547.703	-	8.140.356.377
<i>Chi phí đào ao nuôi cá</i>	4.480.289.516	3.141.784.224	5.829.674.009	-	1.792.399.731
<i>Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và bột cá</i>	4.573.269.950	-	-	-	4.573.269.950
<b>Cộng</b>	<b>13.137.499.842</b>	<b>12.729.181.927</b>	<b>8.878.221.712</b>		<b>16.988.460.057</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Số đầu năm	10.406.155.236
Tăng trong kỳ	1.341.059.459
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(641.674.913)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.105.539.782</b>

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	7.384.235.643
Phát sinh trong năm	5.348.143.793
Hoàn nhập trong năm	(7.384.235.643)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.348.143.793</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	511.765.107.730	379.232.010.284
- <i>Vay Natexis Banques Populaires</i> <sup>(a)</sup>	-	35.298.646.719
- <i>Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> <sup>(b)</sup>	410.715.107.730	254.615.725.565
- <i>Vay Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i> <sup>(c)</sup>	41.050.000.000	59.317.638.000
- <i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp</i> <sup>(d)</sup>	60.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác với lãi suất thời điểm.	-	35.898.332.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số	40.684.991.553	50.106.885.061

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
V.20)		
<b>Cộng</b>	<b><u>552.450.099.283</u></b>	<b><u>465.237.227.745</u></b>
(a) Khoản vay hạn mức Natexis Banques Populaires.		
(b) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ thư tín dụng và khoản vay hạn mức Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.		
(c) Khoản vay hạn mức ngân hàng HSBC TPHCM.		
(d) Khoản vay hạn mức Ngân Hàng Đầu tư & Phát Triển Đồng Tháp.		

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	379.232.010.284	557.502.226.512		(424.969.129.066)		511.765.107.730
Vay ngắn hạn các cá nhân	35.898.332.400	12.000.000.000		(47.898.332.400)		0
Vay dài hạn đến hạn trả	50.106.885.061			(9.394.914.508)	(26.979.000)	40.684.991.553
<b>Cộng</b>	<b><u>465.237.227.745</u></b>	<b><u>569.502.226.512</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>(482.262.375.974)</u></b>	<b><u>(26.979.000)</u></b>	<b><u>552.450.099.283</u></b>

**14. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	98.933.312.051	80.634.179.347
Nhà cung cấp của Công ty Cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	34.236.433.302	16.171.183.545
Nhà cung cấp của Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	2.543.103	2.538.739
<b>Cộng</b>	<b><u>133.172.288.456</u></b>	<b><u>96.807.901.631</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	143.207.183	1.104.431.954
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(32.773)	23.818.444
Thuế nhập khẩu	(508.364.875)	(418.400.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	936.000.321	468.056.313
Thuế thu nhập cá nhân	(1.210.519.019)	451.007.183
Các loại thuế khác	29.368.736	
<b>Cộng</b>	<b><u>(610.340.426)</u></b>	<b><u>1.628.913.160</u></b>

**16. Phải trả người lao động**

Lương tháng 03/2009 và số dư lương tháng 13 phải trả cho công nhân viên.

**17. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.379.760.832
Chi phí khác	1.129.187.412	120.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.129.187.412</u></b>	<b><u>2.499.760.832</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	943.641.441	850.502.483
Bảo hiểm xã hội	185.567.444	238.799.938
Bảo hiểm y tế	164.825.901	117.639.385
Các khoản phải trả khác	857.943.153	594.161.485
<b>Cộng</b>	<b><u>2.151.977.939</u></b>	<b><u>1.801.103.291</u></b>

**19. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(a)</sup>	171.767.003.409	168.012.978.501
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(b)</sup>	44.238.060.876	44.238.060.876
<b>Cộng</b>	<b><u>216.005.064.285</u></b>	<b><u>212.251.039.377</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 và xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản cố định hiện có và tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất 8,4%/năm để xây dựng dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	216.005.064.285
Trên 5 năm	-
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>216.005.064.285</u></b>

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu kỳ	212.251.039.377
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	3.933.884.908
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
Chênh lệch tỷ giá	(179.860.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>216.005.064.285</u></b>

**20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	736.763.373
Số trích lập trong kỳ	184.708.437
Số chi trong kỳ	(8.129.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>913.342.810</u></b>

**21. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	459.674.037	136.774.604	88.223.024.624	388.819.473.265
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh		(435.184.455)	-	(1.420.025)	(436.604.480)
Lợi nhuận tăng trong kỳ		-	-	35.054.720.640	35.054.720.640
Chi trả cổ tức trong kỳ		-	-	(15.000.000)	(15.000.000)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiếu số năm trước		-	-		-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>24.489.582</b>	<b>136.774.604</b>	<b>123.261.325.239</b>	<b>423.422.589.425</b>

**Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	3.189.547.127		(441.529.860)	2.748.017.267
Quỹ phúc lợi	(103.777.915)		(770.087.700)	(873.865.615)
<b>Cộng</b>	<b>3.085.769.212</b>	<b>-</b>	<b>(1.211.617.560)</b>	<b>1.874.151.652</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Luỹ kế năm 2008</b>
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>692.911.701.868</b>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, NVL, phụ phẩm</i>	681.347.630.115
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu, gia công</i>	11.564.071.753
Các khoản giảm trừ doanh thu:	6.974.610.571
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>685.937.091.297</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, nguyên vật liệu, phụ phẩm	587.050.856.429
---	-----------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>587.050.856.429</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	
Lãi tiền gửi + Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu+ bán thức ăn	10.133.260.449
Lãi chênh lệch tỷ giá	864.302.503
<b>Cộng</b>	<b>10.997.562.952</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	
Chi phí lãi vay	17.162.836.896
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.985.779.476
<b>Cộng</b>	<b>29.148.616.372</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	
Chi phí nhân viên	682.290.231
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.830.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.256.228.325
Chi phí bằng tiền khác	8.079.717.090
<b>Cộng</b>	<b>33.026.065.810</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	
Chi phí nhân viên quản lý	2.648.626.146
Chi phí đồ dùng văn phòng	432.552.236
Chi phí khấu hao TSCĐ	248.991.766
Chi phí bằng tiền khác	2.533.860.828
<b>Cộng</b>	<b>5.864.030.975</b>
<b>7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.197.082.172
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.142.361.532
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.054.720.640
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.168</b>

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 04 năm 2009

---

**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng

---

**Trương Thị Lệ Khanh**  
Tổng Giám đốc